

# TÔN GIÁO LÀ CÁI GÌ?

Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969)  
Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý  
Đồng tử: Hoàng Mai. Pháp đàn: Huỳnh Chơn.

\*

## THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng,<sup>(1)</sup> Thiên sắc.<sup>(2)</sup> Chào chư liệt vị<sup>(3)</sup> đàn tiền.<sup>(4)</sup> Vâng lệnh Đức Vạn Hạnh Thiên Sư đến báo đàn. Chư liệt vị kính lễ<sup>(5)</sup> nghinh tiếp. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

## TIẾP ĐIỂN

## VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Chào chư Thiên mạng, chư đạo hữu đạo tràng.<sup>(6)</sup>

## THI

*Tướng giỏi điều hành vạn toán binh  
Muôn dân trăm họ hướng theo mình  
Người tu lấp lửng<sup>(7)</sup> khôn ngăn nổi  
Lục dục, lục căn<sup>(8)</sup> với thất tình.<sup>(9)</sup>*

---

### Huệ Khải chú thích:

- <sup>(1)</sup> **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).
- <sup>(2)</sup> **Thiên sắc** 天色: Thiên ân chức sắc.
- <sup>(3)</sup> **Liệt vị** 列位: Các ngài, các vị đang có mặt (*all of you present*).
- <sup>(4)</sup> **Đàn tiền** 壇前: [Có mặt] trước đàn cầu cơ (*present before the seance*).
- <sup>(5)</sup> **Kính lễ**: Tức là *kính lễ* 敬禮, cung kính chào đón (*to salute*). Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Kính 阮有鏡 (1650-1700) có công lớn mở mang đất nước về phương Nam. Dân miền Nam kiêng húy, đọc trại *Kính* thành *Kinh*.
- <sup>(6)</sup> **Đạo tràng** (trường) 道場: Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo như chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện... (*religious institution, monastery...*).
- <sup>(7)</sup> **Lấp lửng**: Không dứt khoát, không kiên quyết.
- <sup>(8)</sup> **Lục căn** 六根: Sáu căn (*the six senses*) gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ (*eyes, ears, nose, tongue, body, mind*). Đối tượng của lục căn là **lục trần** 六塵, gồm *sắc* 色 (hình tướng), *thinh* 聲 (âm thanh), *huong* 香 (mùi), *vị* 味, *xúc* 觸 (tiếp xúc với da thịt), *pháp* 法 (tư tưởng). Khi *lục căn* tiếp xúc với *lục trần* thì sinh ra sáu thứ ham muốn gọi là **lục dục** 六欲 (*the six desires*): Ham muốn do mắt nhìn sắc đẹp, do tai nghe âm thanh du dương, do mũi ngửi mùi thơm, do lưỡi nếm vị ngon, do thân xác được sung sướng, do ý được thỏa thích.
- <sup>(9)</sup> **Thất tình** 七情: Bảy tình cảm (*the seven emotionals*) là mừng (*hỷ* 喜, *joy*), giận (*nộ* 怒, *anger*), yêu (*ái* 愛, *affection*), ghét (*ố* 惡, *hatred*), buồn (*ai* 哀, *sorrow*), vui (*lạc* 樂, *cheerfulness*), sợ (*cụ* 懼, *fearfulness*).

Hôm nay, Bản Tăng thừa lệnh Đức Thái Thượng Đạo Tổ đến trần gian giờ này để thông tri chư đạo hữu đạo tràng được rõ:

Đàn tả kinh hôm nay tạm đình hoãn cho đến ngày 22 tháng 9 Kỷ Dậu sẽ được tiếp tục. Ngày ấy cũng là ngày Vía Đức Nhiên Đăng Cổ Phật mà cũng là ngày lễ kỷ niệm Lê Thái Tổ.<sup>(10)</sup>

Đàn hôm nay dành riêng cho chư đạo hữu đạo tràng một đề tài tu học để kiểm điểm và khắc phục nội tâm cho xứng với cương vị<sup>(11)</sup> của người tu thân lập hạnh, học đòi theo đức tính của các Đấng Phật Tiên, Thánh Thần.

Vậy Bản Tăng mời chư đạo hữu đạo tràng đồng an tọa.

Chư đạo hữu! Thượng Đế vì nhân sinh đã phải đến trần gian nhiều lần mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau<sup>(12)</sup> để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ, để tùy thời tùy thế độ rỗi<sup>(13)</sup> như sanh cái ác từng thiện,<sup>(14)</sup> xa lánh nẻo mị tà<sup>(15)</sup> trở về đường chánh giáo.

Người thức thời hiểu đạo nhìn các hình thức tôn giáo, đạo giáo hành đạo có khác nhau không lấy chi làm lạ. Trong giới đó, thương hại thay cho những người còn nhận xét với phạm tâm phạm ý, với nhục nhãn,<sup>(16)</sup> rồi lại bài bác, chỉ trích, xuyên tạc những hình thức hành đạo khác với tập quán của mình; do đó thế nhân trong cửa đạo thường mắc phải chứng bệnh kỳ thị.<sup>(17)</sup> Đó là một trở ngại rất lớn trên bước đường tu thân lập hạnh.

Ví dụ một trường hợp rất mỉa mai và đau thương. Nếu đất nước này, dân tộc này khi chưa có một tôn giáo nào khai minh,<sup>(18)</sup> người dân vẫn sẵn có tinh thần thương yêu nhau vì tình đồng chủng,<sup>(19)</sup>

---

<sup>(10)</sup> **Lê Thái Tổ** 黎太祖, tức là Lê Lợi 黎利 (1383/1385-1433), đánh đuổi quân Minh, thu hồi chủ quyền đất nước, khai sáng nhà Hậu Lê.

<sup>(11)</sup> **Cương vị** 崗位: Vị trí, nơi một người thi hành phận sự (*a post*).

<sup>(12)</sup> **Thượng Đế vì nhân sinh đã phải đến trần gian nhiều lần mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau:** ① Tại Long Ân Đàn (Sài Gòn), đêm 08-10 Kỷ Sửu (18-11-1939), Đức Chí Tôn dạy: Thích Ca xưa vốn Cao Đài / Cao Đài nay cũng Như Lai giáng trần. ② Tại Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng), Tuất thời, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965), Đức Chí Tôn dạy: Xuống lên, lên xuống luân hồi / Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay / Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài / Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà / Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha / Bao lần Khổng Mạnh cũng Già nầy đây.

<sup>(13)</sup> **Độ rỗi:** 度 [度] là qua (sông), giúp người qua sông mê bể khổ. Rỗi là thông thả, không bị ràng buộc (*tự tại, tự do*). Con người lúc sống bị ràng buộc vào tham muốn, sân hận, si mê (ngu muội), vì thế gây tội lỗi rồi bị vướng vào tù ngục thế gian; chết đi linh hồn lại chịu đày đọa nơi địa ngục. Các chánh giáo dạy con người tu hành, như đưa chiếc thuyền chở con người vượt qua biển khổ, giúp con người thoát khỏi tham sân si, khỏi phạm tội; nhờ thế, khi còn sống thì tâm hồn và cuộc đời được rỗi, lúc chết đi thì linh hồn cũng được rỗi, khỏi sa địa ngục. Độ rỗi cùng nghĩa như *cứu rỗi*.

<sup>(14)</sup> **Cải ác từng thiện** (tòng) 改惡從善: Sửa đổi những gì không tốt, đi theo đường ngay chính (*correcting one's wrong deeds and following the right way*).

<sup>(15)</sup> **Tà mị** 邪媚: Gian xảo và siểm nịnh (*dishonest and flattering*).

<sup>(16)</sup> **Nhục nhãn** 肉眼: Mắt thịt, mắt phàm tục (*eyes of flesh*).

<sup>(17)</sup> **Kỳ thị** 歧視: Đối xử khác nhau, bên nể trọng bên khinh rẻ (*to discriminate*).

<sup>(18)</sup> **Khai minh** 開明: Soi sáng, làm cho giác ngộ (*to enlighten*).

đồng quốc gia, thi tổ<sup>(20)</sup> dân tộc Việt. Nhưng đến khi có một tôn giáo, rồi nhiều tôn giáo khai minh, mỗi một nhóm dân Việt vào thọ giáo mỗi tôn giáo khác nhau. Vì sự nhận thức thiển cận<sup>(21)</sup> nảy sinh óc kỳ thị, từ đó bắt nguồn sự chia rẽ giữa những nhóm người trong các tôn giáo khác nhau, rất dỗi chí biết bênh vực cho giáo thuyết giáo điều, cho các hình thức lễ bái hành đạo mà quên đi tình dân tộc nước non.

Than ôi! **Tôn giáo là cái gì?**<sup>(22)</sup> Phải chăng tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả? Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như tình ruột thịt, huynh đệ đại đồng, tuy khác nhau ở màu da sắc tóc nhưng cũng đồng thọ bảm<sup>(23)</sup> đức háo sanh dưỡng dục an bài của luật đương nhiên Tạo Hóa.

Tôn giáo dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái từ xã hội rất nhỏ như gia đình, phu phụ, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu, đến một xã hội bực trung là đoàn thể, quốc gia, dân tộc và chí đến nữa là đại xã hội nhân loại đại đồng.

Xã hội nhỏ có thương yêu hòa ái thì gia đình được hạnh phúc, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung.<sup>(24)</sup>

Một xã hội bực trung có thương yêu hòa ái thì đoàn thể được phát triển, nảy nở mau lẹ trong sự diu dặt, giáo dục, bảo vệ cho nhau.

Một quốc gia, toàn thể dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ, dân dã cùng đing mà biết thương yêu hòa ái thì quốc gia đó được thanh trị, dân tộc đó được phú túc, sung mãn, hùng cường.

Nếu đại xã hội nhân loại đại đồng biết thương yêu hòa ái nhau thì đại xã hội đó là một thiên đường cực lạc tại thế gian.

Bởi chung con người không nhận thức được cái lý đó, chỉ nhìn sự kiện với óc thiển cận là trái ngược lại đạo lý, cũng như những người hành giáo<sup>(25)</sup> nhận thức giáo lý thiển cận như thế, nên đã làm sai lạc tôn chỉ cao quý của tôn giáo. Đó là mầm đau khổ cho nhân loại.

---

<sup>(19)</sup> **Đồng chủng** 同種: Cùng dòng giống (*the same race*). **Đồng văn** 同文: Cùng chữ viết, ngôn ngữ (*the same script, the same language*).

<sup>(20)</sup> **Thi (thủy) tổ** 始祖: Ông tổ đầu tiên (*primogenitor*).

<sup>(21)</sup> **Thiển cận** 淺近: Nông cạn, hời hợt, không sâu xa (*narrow-minded and superficial*).

<sup>(22)</sup> **Tôn giáo là cái gì?** Lưu ý, ở đây Đức Thiển Sư không hỏi *Tôn giáo là gì?* Chủ đích thánh giáo này không nhằm giải thích ý nghĩa thuật ngữ tôn giáo. Ngài hỏi *Tôn giáo là cái gì?* Chữ **cái** được dùng mang tính tu từ (*rhetorical*), để biểu thị ý nhấn mạnh về sắc thái chơn chánh của tôn giáo mà Ngài nêu lên để cho thấy rất tương phản với thực trạng là con người vì trót hiểu sai về tôn giáo đi đến hậu quả là kỳ thị tôn giáo, độc tôn đạo của mình và coi rẻ đạo người khác. Thế gian vì khác tôn giáo mà gây tranh chấp, chiến tranh (quả là sai lầm) trong khi đúng lý ra phải từ đức tin tôn giáo mà hợp sức kết đoàn để chung tay xây đắp xã hội thương yêu, bác ái, hòa hiệp, hòa bình.

<sup>(23)</sup> **Thọ bảm:** *Bảm thụ* (thọ) 稟受, tự nhiên có được tính chất nào đó chứ không do tập luyện (*to be endowed with something*).

<sup>(24)</sup> **Huynh hữu đệ cung** 兄友弟恭: Anh chị em hòa ái, tôn kính nhau (*loving, friendly and respectful siblings*).

<sup>(25)</sup> **Người hành giáo** 行教之人: Người tu hành (*religious practitioner*).

Đáng lý con người đã sẵn có tình quốc gia dân tộc, thêm được giáo lý đạo đức, biết dung hợp<sup>(26)</sup> như gắm thêm hoa, đàng này trái lại.

Xuyên qua sự thể ấy, thử tìm xem nguồn gốc do đâu nảy sanh, nếu không phải là bức màn vô minh<sup>(27)</sup> mà Đức Phật thường hay dùng để chỉ con người tội lỗi.

Phật chỉ rõ, mọi điều tội lỗi, độc ác, sa đọa đều do bức màn vô minh che lấp nguồn thần. Sự nhận thức của con người không phân biệt được cái nào là chơn là giả, điều nào là thiệt là hư, cũng đều do bức màn vô minh ngăn cách giữa con người và chân lý. Con người thường nhận xét các sự vật qua nhãn quan và óc chủ quan của mình,<sup>(28)</sup> nên thường bị thất tình lục dục gạt gắm, đánh lừa.

Thánh xưa cũng vẫn có thất tình lục dục như người thời nay, nhưng Thánh xưa biết sử dụng, điều khiển những thất tình lục dục ấy đúng chỗ, đúng lúc và hợp hoàn cảnh.

Thánh xưa vui với cái vui nội tâm thích hợp đạo lý, giận với cái giận của bực siêu nhân, thương với lòng thương của hàng thánh thiện, sợ với cái sợ của bậc trí tri,<sup>(29)</sup> yêu với tình yêu của Đấng Tạo Hóa, ghét với cái ghét của bực hiền nhân, muốn với lòng ham muốn của người đạo đức. Như thế mới gọi là mừng, vui, giận, ghét, yêu, sợ, muốn của bực siêu nhân.

Mừng là tự thấy mình có ý nghĩ, lời nói và hành động có tác dụng vào sự tế nhân lợi vật.<sup>(30)</sup>

Vui là vui vì đã làm được những việc giúp đời.

Giận là giận khi thấy lòng chưa được thanh tịnh hoặc ý nghĩ, lời nói, việc làm không thuận Thiên hòa nhân, tự khắc kỷ<sup>(31)</sup> để tự hậu<sup>(32)</sup> không còn tái diễn.

Ghét là ghét những điều trái đạo lý, luân thường, nhân nghĩa mà không hề nghĩ đến, nhìn đến, nói đến và làm đến.

Sợ là sợ những hành động trái với đạo đức, trái với lòng Trời, chớ không phải sợ dư luận khen chê, tán tụng.

Có điều khiển, làm chủ, hướng dẫn được thất tình thì chúng nó sẽ ngoan ngoãn tuân theo rồi lần hồi trở thành thói quen. Biết tận dụng điều khiển thất tình, chúng sẽ trở nên thất bửu là bảy món báu vô giá để làm tả phù hữu bất,<sup>(33)</sup> tiền xung hậu kích trước mọi cảnh ngộ đảo điên, và chúng sẽ giúp

---

<sup>(26)</sup> **Dung hợp** 融合: Bao dung, hòa hợp những chỗ không giống nhau.

<sup>(27)</sup> **Vô minh** 無明: Ngu dốt, tối tăm, không hiểu biết (*ignorant*).

<sup>(28)</sup> Bởi vậy, Đức Phật dạy thực hành Bát Chánh Đạo, trong đó có *chánh kiến* (*right views*: thấy đúng), *chánh tư duy* (*right thinking*: suy nghĩ đúng), *chánh niệm* (*right mindfulness*: giữ tâm ý luôn luôn ghi nhớ những điều chơn chánh), *chánh định* (*right meditation*: tập trung tư tưởng vào những điều chơn chánh, lợi ích cho mình và người).

<sup>(29)</sup> **Trí tri** 致知: Hiểu rõ sự vật, biết cho rốt ráo, biết cho đến cùng tột (*to have an insight*).

<sup>(30)</sup> **Tế nhân lợi vật** 濟人利物: Giúp ích cho đời (*to help the world*).

<sup>(31)</sup> **Khắc kỷ** 克己: Kiểm chế bản thân, kỷ luật với chính mình (*self-restraint, to subdue one's self*), tức là khắc chế bản ngã, trừ khử lòng tự tư tự lợi.

<sup>(32)</sup> **Tự hậu** 自後: Từ nay về sau, sau này (*afterwards, henceforth*).

<sup>(33)</sup> **Tả phù hữu bất** 左扶右弼: Được chung quanh giúp đỡ.

trở lại chủ nhơn ông<sup>(34)</sup> được trọn vẹn trên đường thánh thiện.

Còn qua lãnh vực lục dục, lục căn cũng thế. Hãy điều khiển, sai khiến chúng phải tuân theo, làm theo chủ nhơn ông. Cũng thời chúng nó, nếu chủ nhơn ông biết tận dụng, chúng sẽ trở nên hàng trung thần thân tín. Nếu ngược trở lại, không biết tận dụng, điều khiển chúng thì chúng sẽ trở nên đám nghịch thần phá hoại, ngăn cản mọi bước tiến trên đường thánh thiện.

Lục dục, lục căn biết luyện thì chúng sẽ trở nên lục thông,<sup>(35)</sup> đưa chủ nhơn ông đến hàng Tiên Phật. Ngược lại, chúng sẽ làm lục tặc<sup>(36)</sup> rồi dẫn dắt kéo trì chủ nhơn ông trở xuống lục đạo luân hồi<sup>(37)</sup> hoặc sa tăng, ngạ quỷ.<sup>(38)</sup>

Thế nên người tu luôn luôn phải xem xét, suy nghĩ, cân nhắc trước mọi sự vật xảy ra hằng ngày đến với mình. Rất dễ mà cũng rất khó để phân biệt được cái nào chơn giả, điều nào thiện hư.

Đừng thấy người chê rồi vội vàng phát giận; đừng nghe người khen rồi vội vàng mừng vui. Nếu sự chê ấy đúng chỗ đúng lúc thì phải cố gắng nhẫn nại phục thiện để sửa chữa.

Bản Tăng xin lặp lại: Nếu sự chê ấy do nơi mình khuyết điểm thì phải cố gắng để sửa chữa. Nếu gặp lời khen có tánh cách ve vãn, nịnh bợ để làm hài lòng, có dụng ý cho tư danh tư lợi thì hãy coi chừng. Đừng vội mừng mà mắc mưu ma quỷ.

Thánh xưa có nói: Người chê ta đúng chỗ là thầy ta, khen ta đúng chỗ là bạn ta; ngược lại, nếu chê không đúng chỗ là phá hoại ta, khen không đúng chỗ là hại ta.

Đó là lời khuyên đối với hàng nhân sĩ để tiếp nhân xử thế; còn ở cương vị của người học đạo, tu thân lập hạnh thì lại phải cẩn thận trọng, cân nhắc thêm hơn.

Người tu thân nên lạc thiện lạc đạo,<sup>(39)</sup> chớ không đợi người đời nhìn thấy để lời phê phán ngợi khen mới vui. Nếu vui như vậy là háo danh, bị động, không làm chủ lấy mình. Nếu bị lời gièm pha, đổ ky, xuyên tạc rồi bỏ dở dang việc hành đúng đạo lý là đã mắc mưu tà quái rồi đó.

---

<sup>(34)</sup> **Chủ nhơn (nhân) ông** 主人翁: Ông chủ, người làm chủ (*master, host, owner*). *Chân tâm* (真心 *the true mind*) là chủ nhân ông, thắng được sự sai khiến, cám dỗ của thất tình lục dục. Nếu để thất tình lục dục sai khiến, không còn làm chủ được tâm, tức là mất quyền chủ nhân ông. Giống như chủ nhà bị người ngoài lọt vào không chế.

<sup>(35)</sup> **Lục thông** 六通: Cũng gọi *lục thần thông*, là sáu phép thần thông của bậc đắc quả a la hán, gồm có: ① *Thiên nhãn thông* (thấy được mọi vật trong vũ trụ). ② *Thiên nhĩ thông* (nghe được mọi tiếng trong vũ trụ). ③ *Túc mạng thông* (biết kiếp trước của mình và của người khác, biết luôn cả kiếp này và kiếp sau). ④ *Tha tâm thông* (biết được ý nghĩ, tư tưởng người khác). ⑤ *Thần túc thông* (đi khắp nơi trong nháy mắt, biến hóa tùy ý). ⑥ *Lậu tận thông* (trong sạch hoàn toàn, dứt hết các phiền não, dứt luân hồi, nhập niết bàn).

<sup>(36)</sup> **Lục tặc** 六賊: Sáu tên cướp, ám chỉ *lục dục* 六欲. Lục dục (sáu ham muốn do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ) phá hoại tâm thanh tịnh, giống như kẻ cướp xông vào nhà quấy nhiễu.

<sup>(37)</sup> **Lục đạo luân hồi** 六道輪迴: Sáu nẻo tái sinh (*the six paths of rebirth*): ① *Địa ngục* 地獄; ② *Ngạ quỷ* 餓鬼 (quỷ đói); ③ *Súc sinh* 畜生; ④ *A tu la* 阿修羅 (thần ác, *asura*); ⑤ *Nhân* 人 (người); ⑥ *Thiên* 天 (thần cõi trời, thiên thần, *deva*).

<sup>(38)</sup> **Ngạ quỷ** 餓鬼: Quỷ đói (*hungry demons*).

<sup>(39)</sup> **Lạc thiện lạc đạo** 樂善樂道: Vui làm việc lành, vui với cuộc sống đúng đạo lý (*to feel happy doing good deeds and leading a righteous life*).

Những điều đơn cử<sup>(40)</sup> vừa qua cũng chỉ là những chi tiết trong sự điều khiển, hướng dẫn thất tình lục dục mà thôi.

Chư đạo hữu thử kiểm điểm lại một điều rất nhỏ này sẽ thấy có trong lòng mỗi người: Hằng ngày, sắp tới giờ lễ bái hoặc tham thiền, trong lúc đó những gì sẽ xảy đến cho mình? Bên trong nội tâm, cơ thể có khi nghe uể oải, nhức đầu, nóng lạnh, có lúc bụng đói, có lúc lười biếng vô cùng. Còn ngoại cảnh thì thường gặp khách đến, vì nề tình phải nán lại ít khắc,<sup>(41)</sup> hết tiếp người này đến người khác, rồi giờ lễ bái tham thiền trôi qua không đúng giờ giấc. Đó là chưa nói đến người thân xảy ra bạo bệnh phải chạy thuốc kiếm thầy, v.v...

Chư đạo hữu thấy chưa? Từ nội tâm cho đến ngoại cảnh diễn biến luôn luôn, làm ngăn trở đường tu không ít. Người càng gặp nhiều sự xảy đến là người còn quá nặng nghiệp chướng tiền khiên,<sup>(42)</sup> phải ráng lo. Ngoài sự tu kỹ,<sup>(43)</sup> phải làm thêm sự bổ thí là tài thí, pháp thí, vô úy thí,<sup>(44)</sup> tùy theo hoàn cảnh sở hữu, sở năng, sở đoán, sở trường<sup>(45)</sup> của mỗi người.

Đây, Bàn Tăng cũng nói trở lại hai tiếng **vô minh**. Hễ vô minh 無明 thì gặp minh 冥. Minh 明 trước là sáng, minh 冥 sau là mờ.<sup>(46)</sup> Nếu không dùng tâm linh chung hợp lý trí<sup>(47)</sup> xét đoán các sự vật cho minh 明 thì mọi hành động xử sự sẽ bị mờ ám.

## THI

*Tu hành luyện tập phải luôn luôn  
Như nước luân lưu khắp ngọn nguồn  
Nếu nước bị ngăn thành bản thủ  
Nghiệp dày che án điểm thiên lương.<sup>(48)</sup>*

## THI BÀI

*Sống cõi tạm phải lo cho tạm  
Kiếp phù sanh<sup>(49)</sup> giữa đám mây mù*

<sup>(40)</sup> **Đơn cử** 單舉: Nguyên nghĩa là nêu ra (*cử*) một trường hợp (*đơn*). Về sau, dùng rộng rãi, khi kể ra vài trường hợp vẫn nói là *đơn cử*.

<sup>(41)</sup> **Khắc** 刻: Mười lăm phút (*a quarter*).

<sup>(42)</sup> **Tiền khiên** 前牽: Sự trì kéo, ràng buộc do nợ nần kiếp trước, sang kiếp này người mắc nợ phải trả nghiệp. *Khiên* là lôi kéo, vướng vít, ràng buộc.

<sup>(43)</sup> **Tu kỹ** 修己: Tu thân, sửa đổi và luôn cải thiện chính con người mình (*to cultivate and constantly improve oneself*).

<sup>(44)</sup> **Tài thí** 財施: Giúp (bổ thí, cho) tiền và hiện vật. **Pháp thí** 法施: Bổ thí lời đạo đức, nói lời lẽ đạo đức để khuyên nhủ; thuyết giáo, ấn tống kinh sách. **Vô úy thí** 無畏施: An ủi, giúp cho người khác khỏi sợ hãi.

<sup>(45)</sup> **Sở hữu** 所有: Cái mình có (*one's belongings*). **Sở năng** 所能: Cái mình có thể làm, khả năng của mình (*one's capabilities*). **Sở đoản** 所短: Mặt yếu, nhược điểm của mình (*one's weak points*). **Sở trường** 所長: Mặt mạnh, ưu điểm của mình (*one's strong points*).

<sup>(46)</sup> **Vô minh** 無明 là không sáng suốt (*minh* 明 là sáng); thì gặp *minh* 冥 (u tối, tối tăm). Thí dụ: *thông minh* 聰明 (*minh* 明 là sáng); cõi *u minh* 幽冥 (*minh* 冥 là tối tăm).

<sup>(47)</sup> **Tâm linh chung hợp lý trí**: Kết hợp tâm linh với lý trí.

<sup>(48)</sup> **Thiên lương** 天良: Phần tốt đẹp của con người do Trời ban cho; lương tâm (*conscience*).

*Lấp che thiên tánh mờ lu  
 Phải dày công khó lo tu gỡ lẩn.  
 Tuy còn sống cõi trần trần tảo  
 Phải lo phần nhân đạo hằng ngày  
 Ôn dân nghĩa nước cao dày  
 Ngọn rau tác đất ai hoài<sup>(50)</sup> lòng dân.  
 Nhưng phải ráng lo phần thiên đạo  
 Dốc một đời thiện bảo kỳ thân<sup>(51)</sup>  
 Noi gương Tiên Phật Thánh Thần  
 Lo tu trọn kiếp nghiệp trần trả xong.  
 Đừng tạo nghiệp lòng vòng luân chuyển  
 Kiếp xuống lên mấy chuyển đi về  
 Lộn quanh trong cõi trần mê  
 Muôn năm khó trở lại quê cảnh nhàn.  
 Đừng hiểu đạo cực đoan sự thể  
 Vào tu rồi buông phé cuộc đời  
 Hoặc khi liệu thể xử thời  
 Thì đi theo mãi không rời bước nhau.  
 Vào thế tục bôn đào thế tục<sup>(52)</sup>  
 Mùi lợi danh tổn đức hại nhân  
 Cực đoan bên đạo bên trần  
 Là điều chương ngại, nguyên nhân<sup>(53)</sup> coi chừng.  
 Phải cẩn thận dò từng bước một  
 Bước một rồi lên tột bước cao  
 Người tu vui với chí hào<sup>(54)</sup>  
 Không vì dư luận bàn vào tán ra.  
 Cố gắng bước đầu xa cũng tới  
 Bền tâm đi đến Hội Long Hoa  
 Biện phân kẻ chánh người tà  
 Phật Tiên cùng với quỷ ma hai đường.*

<sup>(49)</sup> **Phù sanh** (sinh) 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh, tạm bợ (*ephemeral floating life*).

<sup>(50)</sup> **Ai hoài** 哀懷: Buồn và nhớ nghĩ tới.

<sup>(51)</sup> **Thiện bảo kỳ thân** 善保其身: Giữ gìn kỹ, bảo vệ thân mạng mình (*to protect one's life prudentially*).

<sup>(52)</sup> **Bôn đào** 奔逃: Chạy trốn (*to run away, to flee*).

<sup>(53)</sup> **Nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* (nhơn) 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

<sup>(54)</sup> **Chí hào**: Chí lớn (muốn thoát trần, không chịu trói buộc trong vòng danh lợi trần tục).

Thời mạt kiếp còn đương diễn tiến  
Ráng tu đi thực hiện nghĩa nhân  
Gia công<sup>(55)</sup> chung trí góp phần  
Tạo đời minh đức tâm dân sau này.

Đêm đã hết thì ngày lại tới  
Hại qua rồi kể lợi đến nơi  
Để xem máy Tạo đôi đời  
Phép màu thưởng phạt buổi đời thượng nguồn.

Đừng thấy khổ chùn chân chậm bước  
Chớ thấy hay vội rước hai tay  
Câu kia đã sẵn miếng mồi<sup>(56)</sup>  
Lòng tham không đáy là đời ngựa nghiêng.

Hãy trở lại căn duyên tiền định  
Là dân sanh, dân tính, dân quyền  
Ngày xưa nòi giống tổ tiên  
Áo lam<sup>(57)</sup> vẫn giữ được yên cõi bờ.

Nào đâu phải trông nhờ ai giúp  
Để toàn dân lặn hụp biển mê  
Suốt bao thế kỷ nào nề  
Thôi thôi muốn tắm hãy về ao ta.

Đem đạo lý ái tha<sup>(58)</sup> làm gốc  
Lấy tình thương dân tộc hiệp hòa  
Dựng xây cho nước non nhà  
Vui lòng đẹp dạ ông cha suối vàng.<sup>(59)</sup>  
Trượng phu<sup>(60)</sup> ai biết luận bàn.

Nhiệm vụ Bản Tăng đến đây đã xong. Hẹn gặp lại chư đạo hữu cũng vào giờ này ngày 22 tới.

Bản Tăng cảm ơn và xin giã từ chư đạo hữu đạo tràng. Bản Tăng xin lui đi về thượng giới. Thăng.

[Xong đàn cơ lúc 22g10.]

Huệ Khải chú thích (16-3-2014)

---

<sup>(55)</sup> **Gia công** 加功: Thêm sức, ráng sức làm việc gì (to try hard).

<sup>(56)</sup> **Câu kia đã sẵn miếng mồi**: Mồi đã mắc sẵn vào lưỡi câu. Chạm bẫy đã sắp sẵn, đang chờ.

<sup>(57)</sup> **Áo lam**: Hàm ý nói tới Bình Định Vương Lê Lợi.

<sup>(58)</sup> **Ái tha** 爱他: Thương yêu người khác.

<sup>(59)</sup> **Suối vàng**: Huỳnh (hoàng) tuyền 黄泉, cõi âm, nơi ở của người chết.

<sup>(60)</sup> **Trượng phu** 丈夫: Bậc tài trai có khí tiết.